

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 27-5-2020  
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Trần Thị Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K; cư trú tại xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Lương Thị Hoài L; cư trú tại xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thúy Q - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV P - Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L chung sống với nhau do tự nguyện và có được gia đình hai bên nội, ngoại làm đám cưới theo phong tục truyền thống của địa phương từ năm 1995 nhưng không làm

thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới, ông và bà Lương Thị Hoài L chung sống cùng nhau tại xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, hai bên hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2017, ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L đã sống ly thân; từ đó đến nay, cả hai không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay ông Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L có 02 con chung Nguyễn Minh Q - sinh năm 1996 và Nguyễn Thị T - sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005; hiện tại con chung Nguyễn Thị T do bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng, ông Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị T cho bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Minh Q đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Nếu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng, ông Nguyễn Văn K không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn K đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung Nguyễn Thị T cho bà Lương Thị Hoài L 2.000.000đồng/tháng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Hoài L đưa ra tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn K có quan điểm sẽ thỏa thuận phân chia về tài sản với bà Lương Thị Hoài L.

*Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Lương Thị Hoài L, trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 10 tháng 12 năm 1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Từ năm 2013 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, đến năm 2014 thì quay về đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn căng thẳng nên cả hai lại sống ly thân từ năm 2017. Hiện tại không ai quan tâm, trách nhiệm với nhau. Nay bà Lương Thị Hoài L xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K vì vợ chồng có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Bà Lương Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn K có 02 con chung như ông K trình bày là đúng. Nếu Tòa án không công nhận bà Lương Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, bà đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Thị T; việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Minh Q đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

Về tài sản: Nếu Tòa án không công nhận bà Lương Thị Hoài L và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, bà không đề nghị Tòa án giải quyết mà để hai bên tự thỏa thuận

Tại phiên tòa, bà Lương Thị Hoài L có quan điểm nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K, đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị T cho bà 2.000.000đồng/tháng; yêu cầu chia tài sản chung là diện tích nhà, đất là tài sản chung của vợ chồng tại xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng; về con chung, giao con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005 cho bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết; Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995. Tại thời điểm chung sống, ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L đều đủ tuổi kết hôn nhưng cả hai đã không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Lương Thị Hoài L có quan điểm, ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H nhưng căn cứ kết quả xác minh của Tòa án tại UBND xã H; Phòng Tư pháp huyện A; UBND xã T, huyện A1, thành phố Hải Phòng (nguyên quán của bà Lương Thị Hoài L); Phòng Tư

pháp huyện A1 đều không thể hiện việc ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy, mặc dù ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L đã có thời gian dài chung sống cùng nhau và có các con chung, nhưng căn cứ các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng.

[2] Vì vậy, việc ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận. Bà Lương Thị Hoài L đã được Tòa án yêu cầu cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông Nguyễn Văn K, bà Lương Thị Hoài L có làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng bà Lương Thị Hoài L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác thực việc ông K, bà L đã làm thủ tục đăng ký kết hôn nên không có căn cứ chấp nhận quan điểm của bà Lương Thị Hoài L.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L có 02 con chung Nguyễn Minh Q - sinh năm 1996 và Nguyễn Thị T - sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005. Nếu Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng, cả ông K và bà L đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thị T cho bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng; tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L thỏa thuận, ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Lương Thị Hoài L 2.000.000đồng/tháng. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận, cần giao con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005 cho bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng; ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Lương Thị Hoài L 2.000.000đồng/tháng. Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Minh Q đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống.

[4] Về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu Tòa án không xem xét, giải quyết. Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung; xét thấy yêu cầu của bị đơn đưa ra tại phiên tòa không quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; các điều 143, 147; khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 9, 14, 15, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị T, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2005 cho bà Lương Thị Hoài L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà Lương Thị Hoài L 2.000.000đồng/tháng.

Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi Tòa án không công nhận ông Nguyễn Văn K và bà Lương Thị Hoài L là vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Con chung Nguyễn Minh Q - sinh năm 1996 đã trưởng thành, tự quyết định cuộc sống

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết. Tách yêu cầu chia tài sản chung của bà Lương Thị Hoài L để xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng là 600.000đ để sung vào công quỹ nhà nước. Ông Nguyễn Văn K đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004543 ngày 03 tháng 12 năm 2019) nên phải nộp tiếp 300.000đ.

Các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**